

Số: 22 /2024/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 03 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
sử dụng ngân sách Nhà nước tỉnh Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và
Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ
khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xác định nhiệm vụ
khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách Nhà nước tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này bãi bỏ khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 2
và Chương II (gồm các Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8) của Quy
định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân
sách nhà nước tỉnh Kon Tum được ban hành kèm theo Quyết định số 23/2018/QĐ-
UBND ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 13 tháng 5 năm 2024. / *TM. Ủy ban Nhân dân*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TTHCC, KGVX_{PTDL}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Tuấn

QUY ĐỊNH

**Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
sử dụng ngân sách Nhà nước tỉnh Kon Tum**

*(Kèm theo Quyết định số: 22 /2024/QĐ-UBND, ngày 03 tháng 5 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh) dưới các hình thức đề tài khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là đề tài), dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi tắt là dự án), đề án khoa học.

2. Đối tượng áp dụng

Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (sau đây viết tắt là đề xuất nhiệm vụ) là những vấn đề khoa học và công nghệ cần giải quyết do cơ quan, tổ chức, cá nhân đề xuất với các Sở, ban ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nhằm thực hiện yêu cầu của lãnh đạo Đảng, Nhà nước hoặc đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

2. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (sau đây viết tắt là đề xuất đặt hàng) là đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan đề xuất đặt hàng với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) hoặc do Sở Khoa học và Công nghệ chủ động đề xuất đặt hàng để giải quyết các vấn đề cấp bách, mới phát sinh có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng là đề tài, dự án, đề án khoa học có nội dung thể hiện về tên, định hướng mục tiêu, yêu cầu đối với kết quả, được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đặt hàng các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện.

4. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

cấp tỉnh là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại Điều 29 Luật Khoa học và Công nghệ.

5. Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại Điều 30 Luật Khoa học và Công nghệ.

Điều 3. Căn cứ để xây dựng đề xuất đặt hàng

Đề xuất đặt hàng đáp ứng một trong các căn cứ sau đây:

1. Yêu cầu của lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Nghị quyết, chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chiến lược, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.
3. Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch khoa học và công nghệ của tỉnh 05 năm và hằng năm.
4. Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh.
5. Các chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh (nếu có).
6. Những vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu cấp bách của tỉnh về quốc phòng, an ninh, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng đề xuất đặt hàng

Nguyên tắc xây dựng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại điểm b, c khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN, ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước tương ứng áp dụng cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN) và có đủ căn cứ về tính cấp thiết và đáp ứng các tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ.

Chương II **YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ** **KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

Điều 5. Yêu cầu đối với đề tài, dự án, đề án khoa học

Đề tài, dự án, đề án khoa học phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chung và yêu cầu riêng cho từng loại hình nhiệm vụ, cụ thể như sau:

1. Yêu cầu chung

a) Có tính cấp thiết, có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong phạm vi của tỉnh, có vai trò quan trọng nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ tỉnh;

b) Các vấn đề khoa học cần phải huy động nguồn lực khoa học và công nghệ (nhân lực khoa học và công nghệ hoặc nguồn tài chính) của tỉnh hoặc góp phần giải quyết những nhiệm vụ mang tính liên vùng, liên ngành; vấn đề khoa học và công nghệ nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp của tỉnh về quốc phòng, an ninh, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ của địa phương;

c) Không trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đã và đang thực hiện.

2. Yêu cầu riêng đối với đề tài

a) Đề tài trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ gồm: khoa học tự nhiên; khoa học kỹ thuật và công nghệ; khoa học y, dược; khoa học nông nghiệp, phải đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến: (i) Có triển vọng lớn tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng ở Việt Nam; hoặc (ii) Được hoàn thành ở dạng mẫu (vật liệu; thiết bị; máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi); hoặc (iii) Có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc có khả năng được cấp bằng bảo hộ giống cây trồng;

Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

b) Đề tài trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn: Có tính mới; kết quả nghiên cứu bảo đảm tạo ra luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước;

c) Đề tài trong các lĩnh vực khác: Sản phẩm khoa học và công nghệ bảo đảm tính mới, tính tiên tiến so với các kết quả đã được tạo ra tại Việt Nam hoặc quốc tế thông qua các công bố trong nước và quốc tế, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội.

3. Yêu cầu riêng đối với dự án

a) Có xuất xứ công nghệ từ: Công nghệ được chuyển giao theo hợp đồng chuyển giao công nghệ; công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích;

b) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ được tạo ra ổn định ở quy mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt;

c) Có khả năng huy động được nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.

4. Yêu cầu riêng đối với đề án khoa học

Có kết quả nghiên cứu làm cơ sở để xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 6. Nội dung thể hiện của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng

1. Nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng được thể hiện qua: “Tên; định hướng mục tiêu; yêu cầu đối với kết quả; phương án tổ chức thực hiện”, phù hợp với quy định tại Điều 5 Quy định định này.

2. Mục “Yêu cầu đối với kết quả” bao gồm một số chỉ tiêu, thông số chính, dự kiến yêu cầu về số lượng, chất lượng của sản phẩm tạo ra. Tùy theo từng loại hình nhiệm vụ, các yêu cầu này cần được thể hiện như sau:

a) Đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: Các yêu cầu về tính mới, yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm ở giai đoạn tạo sản phẩm mẫu;

b) Đối với đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn: các yêu cầu về tính mới, bảo đảm tạo ra luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước;

c) Đối với đề tài khác: Các yêu cầu về tính mới và mức độ tiên tiến của sản phẩm và các yêu cầu khác;

d) Đối với dự án: Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt của sản phẩm và quy mô sản xuất thử nghiệm;

đ) Đối với đề án khoa học: Các yêu cầu về tính khoa học và tính thực tiễn của sản phẩm và các yêu cầu khác.

Chương III TỔ CHỨC XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 7. Trình tự đề xuất nhiệm vụ; trình tự xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Trình tự đề xuất nhiệm vụ

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đề xuất nhiệm vụ về các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phù hợp với ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý để tổng hợp, xử lý;

b) Sở Khoa học và Công nghệ chủ động hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh cấp bách, mới phát sinh có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh; gửi lấy ý kiến các

cơ quan, đơn vị có liên quan phù hợp với ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý để hoàn thiện đề xuất nhiệm vụ.

c) Mẫu Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN tương ứng áp dụng cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Trình tự xây dựng đề xuất đặt hàng

a) Các Sở, ban ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức lấy ý kiến tư vấn của hội đồng tư vấn hoặc chuyên gia để lựa chọn các đề xuất nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này và gửi đề xuất đặt hàng về Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh cấp bách, mới phát sinh có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh;

c) Hồ sơ xây dựng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN tương ứng áp dụng cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 8. Tổng hợp và xử lý đề xuất đặt hàng

1. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp các đề xuất đặt hàng tại khoản 2 Điều 7 Quy định này để đưa ra Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành tra cứu thông tin các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đã và đang thực hiện có liên quan đến đề xuất đặt hàng tại cơ sở dữ liệu của tỉnh, danh mục nhiệm vụ về khoa học và công nghệ để phục vụ họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Biểu mẫu áp dụng tại khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN tương ứng áp dụng cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 9. Thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (sau đây viết tắt là Hội đồng tư vấn) theo chuyên ngành để xem xét, đánh giá một hoặc một số đề xuất đặt hàng trong cùng lĩnh vực.

2. Hội đồng tư vấn có từ 07 đến 11 thành viên là các ủy viên, trong đó có Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên thư ký khoa học. Đối với mỗi đề xuất đặt hàng, phân công 02 thành viên làm ủy viên phản biện.

3. Thành viên của Hội đồng tư vấn là các nhà khoa học, đại diện cơ quan, tổ chức đề xuất đặt hàng (Sở, ban ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện,

thành phố đề xuất đặt hàng), nhà quản lý thuộc ngành, lĩnh vực của đề xuất đặt hàng, nhà kinh doanh có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ tư vấn.

4. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần của Hội đồng tư vấn khác với quy định tại khoản 2 và 3 Điều này.

Điều 10. Phương thức làm việc của Hội đồng tư vấn

1. Hội đồng tư vấn họp theo một trong các phương thức sau:

- a) Phương thức họp trực tiếp;
- b) Phương thức họp trực tuyến;
- c) Phương thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

2. Phiên họp Hội đồng tư vấn phải có sự tham gia của ít nhất 2/3 số ủy viên Hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền (trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt), các ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học.

3. Thành viên của Hội đồng tư vấn có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu tài liệu do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp và chuẩn bị ý kiến nhận xét đánh giá đề xuất đặt hàng;

b) Thực hiện việc cho ý kiến nhận xét và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ trước khi họp.

4. Tài liệu phục vụ phiên họp được gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, hệ thống iOffice cho thành viên Hội đồng tư vấn tối thiểu 05 ngày làm việc trước khi họp gồm:

- a) Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn;
- b) Bảng tổng hợp danh mục đề xuất đặt hàng và Phiếu đề xuất nhiệm vụ kèm theo;
- c) Các biểu, mẫu, phụ lục phục vụ nhận xét, đánh giá phù hợp với đề xuất đặt hàng;
- d) Kết quả tra cứu thông tin của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có liên quan đã và đang thực hiện;
- đ) Tài liệu hoặc văn bản điện tử khác (nếu có).

5. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc dân chủ, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, độc lập, trung thực, khách quan, khoa học và bảo đảm liêm chính khoa học. Hội đồng tư vấn thảo luận, thống nhất kết luận đối với các ý kiến khác nhau của thành viên (nếu có). Ý kiến kết luận của Hội đồng tư vấn được thông qua khi trên 3/4 số thành viên tham gia nhất trí.

6. Thành viên của Hội đồng tư vấn có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của Hội đồng tư vấn, chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến tư vấn của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Hội đồng tư vấn, giữ bí mật các thông tin nhận được, trừ trường hợp pháp luật có quy

định khác.

7. Sở Khoa học và Công nghệ cử 02 thư ký hành chính giúp việc chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của Hội đồng tư vấn.

8. Biểu mẫu áp dụng tại khoản 2, 3 Điều này thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN.

Điều 11. Trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng tư vấn

1. Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng tư vấn.

2. Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ tóm tắt các yêu cầu đối với Hội đồng tư vấn.

3. Chủ tịch Hội đồng chủ trì các phiên họp của Hội đồng tư vấn. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt, Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền sẽ chủ trì phiên họp.

4. Hội đồng tư vấn cử 01 thành viên làm ủy viên thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản phiên họp.

5. Hội đồng tư vấn thảo luận về các nội dung theo quy định tại các Điều 12, Điều 13 Quy định này.

6. Các thành viên của Hội đồng tư vấn đánh giá đề xuất đặt hàng. Đề xuất đặt hàng được đề nghị “Thực hiện” khi tất cả các nội dung trong Phiếu đánh giá được đánh giá “Đạt yêu cầu” và đề nghị “Không thực hiện” khi một trong các nội dung trên được đánh giá “Không đạt yêu cầu”.

7. Thư ký khoa học tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên Hội đồng tư vấn và công bố công khai kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp của Hội đồng tư vấn. Đề xuất đặt hàng được đề nghị “Thực hiện” khi có trên 3/4 tổng số phiếu đánh giá “Đạt yêu cầu”.

8. Đối với đề xuất đặt hàng được đề nghị “Thực hiện”, 02 ủy viên phản biện và Thư ký khoa học tổng hợp kiến nghị của Hội đồng tư vấn về: Các nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng quy định tại Điều 6 Quy định này; nguồn đề xuất nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

9. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả họp, Hội đồng tư vấn chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện tổng hợp kiến nghị (gồm cả kiến nghị phương thức thực hiện: tuyển chọn hoặc giao trực tiếp). Ý kiến kết luận của Hội đồng tư vấn về các nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng được thông qua khi trên 3/4 số thành viên tham gia nhất trí.

10. Đối với đề xuất đặt hàng được đề nghị “Không thực hiện”, Hội đồng tư vấn thống nhất ý kiến đánh giá về lý do không đề nghị thực hiện.

11. Biểu mẫu áp dụng tại khoản 4, 6, 7, 9 Điều này thực hiện theo quy định tại Khoản 4, 6, 7, 9 Điều 12 Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN.

Điều 12. Nội dung thảo luận của Hội đồng tư vấn xác định đề tài, dự án

Các ủy viên của Hội đồng tư vấn phân tích, thảo luận và đánh giá về các nội dung sau:

1. Tính cấp thiết, tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong phạm vi của tỉnh, có vai trò quan trọng nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ tỉnh.

2. Tính liên ngành, liên vùng, quy mô và tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra.

3. Khả năng không trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đã và đang thực hiện.

4. Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất và đời sống.

5. Xuất xứ công nghệ và khả năng huy động được nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện (đối với dự án).

6. Tên; định hướng mục tiêu; yêu cầu đối với kết quả; phương án tổ chức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp).

7. Nguồn đề xuất nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

Điều 13. Nội dung thảo luận của Hội đồng tư vấn xác định đề án khoa học

Các ủy viên của Hội đồng tư vấn phân tích, thảo luận và đánh giá về các nội dung sau:

1. Tính cấp thiết, tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong phạm vi của tỉnh.

2. Tính liên ngành, liên vùng, quy mô và tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra.

3. Khả năng không trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đã và đang thực hiện.

4. Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng các kết quả tạo ra vào việc xây dựng và hoạch định chính sách.

5. Tên; định hướng mục tiêu; yêu cầu đối với kết quả; phương án tổ chức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp).

6. Nguồn đề xuất nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

Điều 14. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng

1. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ khi có kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn, Sở Khoa học và Công nghệ rà soát trình tự, thủ tục làm việc và xem xét các ý kiến của Hội đồng tư vấn đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng theo quy định tại Quy định này. Trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn độc lập trong nước, nước ngoài hoặc thành lập Hội đồng tư vấn khác để xác định lại nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Trên cơ sở kết quả rà soát và ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn độc lập quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng. Trong

thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các đơn vị có liên quan thông báo, đăng tải công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

Chương IV

TỔ CHỨC XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH LIÊN QUAN ĐẾN BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

Điều 15. Trình tự đề xuất nhiệm vụ; trình tự xây dựng đề xuất đặt hàng liên quan đến bí mật nhà nước

1. Trình tự đề xuất nhiệm vụ; trình tự xây dựng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy định này.
2. Các biểu mẫu đề xuất nhiệm vụ của các Sở, ban ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy định này. Việc gửi, xử lý và lưu trữ các hồ sơ có liên quan theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 16. Tổng hợp và xử lý đề xuất đặt hàng liên quan đến bí mật nhà nước

1. Trình tự tổng hợp và xử lý đề xuất đặt hàng theo quy định tại Điều 8 Quy định này.
2. Việc giao, nhận xử lý và lưu trữ các hồ sơ có liên quan theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 17. Thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh liên quan đến bí mật nhà nước

1. Trình tự thành lập Hội đồng tư vấn thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy định này.
2. Phương thức làm việc của Hội đồng tư vấn là họp trực tiếp và theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước. Các yêu cầu của Hội đồng tư vấn thực hiện theo khoản 2, 3, 5, 6 và 7 Điều 10 Quy định này. Việc giao, nhận, lưu trữ các phiếu nhận xét, tài liệu phục vụ phiên họp Hội đồng tư vấn và các vấn đề liên quan khác được thực hiện theo quy định về bảo vệ bí mật.

Điều 18. Trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh liên quan đến bí mật nhà nước

1. Trình tự làm việc của Hội đồng tư vấn thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy định này.
2. Các ủy viên của Hội đồng tư vấn đánh giá đề xuất đặt hàng thông qua phiếu đánh giá trên bản giấy ngay tại phiên họp theo các mẫu quy định tại khoản 11 Điều 11 Quy định này. Việc giao, nhận lưu trữ phiếu đánh giá được thực hiện theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.
3. Các biểu, mẫu thực hiện có liên quan khác được giao, nhận và lưu trữ bằng

bản giấy theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 19. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng liên quan đến bí mật nhà nước

1. Trình tự phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

2. Thông tin về phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng được ban hành, lưu trữ theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

**Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 20. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Sở Tài chính phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền giao kế hoạch ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm để thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có thể áp dụng Quy định này để quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước (tương ứng cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở).

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ được dẫn chiếu áp dụng theo các văn đó.

2. Đối với những đề xuất đặt hàng gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc hoặc có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở khoa học và công nghệ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.